

Bản án số: 913/2017/DS-PT
Ngày: 28/9/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Út

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28/9/2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2017/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1315/2017/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1937/2017/QĐPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5087/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị Y**, sinh năm 1974; cư trú tại: Đường T, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú tại: Đường O, Khu phố A, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Ngô L**, sinh năm 1968; cư trú tại: đường X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* bà **Huỳnh Ngô L**, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Bùi Thị Y trình bày:

Ngày 02/11/2015, bà Bùi Thị Y cho bà Huỳnh Ngô L vay mượn số tiền 200 triệu đồng, hai bên ký Hợp đồng vay tài sản số 23407, Quyền số 11/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/11/2015 tại Văn phòng công chứng quận B, thời hạn vay

là 02 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, việc vay mượn không thỏa thuận lãi suất. Khi hết thời hạn vay, phía bà L không trả nợ. Nay bà Y yêu cầu bà L phải trả toàn bộ số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn là bà Huỳnh Ngô L trình bày:

Bà L không thừa nhận việc vay tiền mà chỉ thừa nhận có ký nhận 200 triệu đồng vào ngày 02/11/2015 tại Văn phòng công chứng B bằng Hợp đồng vay tài sản số 23407, Quyền số 11/TP/CC-SCC/GD để thanh toán tiền mua đất (nhà đường M, phường H, quận Thủ Đức) thay cho bà Y. Căn nhà hiện nay do bà Y làm chủ. Bà L đã nhiều lần yêu cầu thanh lý hợp đồng với bà Y nhưng bà Y không đồng ý. Trên thực tế bà L chỉ nhận 180.000.000 đồng để thanh toán tiền mua đất như đã nêu. Bà yêu cầu Tòa án xem xét thêm các chứng cứ mà bà cung cấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1315/2017/DS-ST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân quận B đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 473, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Y đòi bị đơn bà Huỳnh Ngô L phải trả tổng số tiền là 200.000.000 đồng.

Buộc bà Huỳnh Ngô L phải trả cho bà Bùi Thị Y số tiền là 200.000.000 đồng, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y không yêu cầu bà L trả lãi theo quy định pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Huỳnh Ngô L còn phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất tương ứng với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 10.000.000 đồng bị đơn bà Huỳnh Ngô L phải đóng.

Hoàn trả cho bà Y số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng do bà Y nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007166 ngày 01/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/8/2017, bị đơn bà Huỳnh Ngô L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Huỳnh Ngô L là bị đơn trình bày:

Bà không vay tiền của bà Y. Hợp đồng vay tiền là hợp đồng giả tạo, thực chất đây là hợp đồng trích thưởng vì bà đã môi giới cho bà Y mua được thửa đất số 581, tờ bản đồ số 54, phường H quận Thủ Đức của ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim N. Số tiền 200.000.000 đồng trên Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2015 là tiền công môi giới của bà và bà cũng đã dùng một phần trong số tiền này để thay thế bà Y thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc mua thửa đất trên. Mặc dù bà ký xác nhận đã nhận đủ tiền từ bà Y nhưng trên thực tế bà chỉ nhận được 180.000.000 đồng. Bà đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Bùi Thị Y là nguyên đơn trình bày:

Bà đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà thừa nhận bà L có môi giới cho bà mua được nhà đất của ông H, bà N nhưng bà cũng đã trả công môi giới cho bà L số tiền 60.000.000 đồng. Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2015 giữa bà và bà L không liên quan gì đến việc môi giới nhà đất này. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L có nộp cho Tòa một bản photo Hợp đồng trích thưởng giữa bà và bà L, bà Y xác định bà không cùng bà L lập bất cứ hợp đồng trích thưởng nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2015 được lập tại phòng công chứng đã có đủ cơ sở xác định bà L có vay của bà Y số tiền 200.000.000 đồng. Bà L không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh rằng đây chỉ là hợp đồng trích thưởng giữa bà và bà Y. Do đó đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo sự thừa nhận của bà Bùi Thị Y và bà Huỳnh Ngô L thì vào ngày 02/11/2015 bà Y cùng bà L đã đến Văn phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh để ký Hợp đồng vay tiền với nội dung bà Y cho bà L vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là hai tháng, không tính lãi suất. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu bà L phải trả toàn bộ số tiền đã vay. Phía bà L cho rằng trên thực tế bà chỉ nhận 180.000.000 đồng từ bà Y, đây là tiền trích thưởng của bà Y vì bà đã môi giới thành công cho bà Y mua được thửa đất số 581, tờ bản đồ số 54, phường H, quận Đ của ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kim N. Bà L trình

bà Y cũng đã dùng một phần trong số tiền này để thay thế bà Y thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc mua thửa đất trên. Tuy nhiên phía bà Y không thừa nhận lời khai này của bà L.

Hội đồng xét xử nhận thấy bà L đã thừa nhận có ký Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2015, có nhận tiền nhưng lại không có chứng cứ gì chứng minh bà chỉ nhận 180.000.000 đồng. Tại mặt sau của Hợp đồng vay tiền, bà L cũng đã viết và ký xác nhận đã nhận đủ tiền ngay trong ngày 02/11/2015. Bà L nộp cho Tòa một bản photo hợp đồng trích thưởng ký ngày 02/11/2015 giữa bà Y và bà L, theo đó thể hiện bà Y hứa trích thưởng cho bà L số tiền 126.000.000 đồng trong việc mua thửa đất của ông H, bà N. Tuy nhiên đây chỉ là bản photo, bà Y không thừa nhận có lập hợp đồng trích thưởng này, bà L không cung cấp được bản chính nên đây không được xem là chứng cứ theo quy định pháp luật.

Bà L còn cung cấp Hợp đồng đặt cọc ngày 20/11/2015 giữa bà Y và ông H, bà N với nội dung bà Y đặt cọc cho ông H, bà N số tiền 200.000.000 đồng để mua thửa đất số 581, tờ bản đồ số 54, phường H, quận Đ cùng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Y, ông H, bà N ngày 30/11/2015. Qua xem xét thì Hợp đồng đặt cọc cũng chỉ có tên, chữ ký của bà Y, ông H, bà N, không có tên của bà L. Số tiền 200.000.000 đồng cũng được ông H, bà N ký xác nhận đã nhận đủ từ bà Y vào ngày 30/11/2015 chứ không phải nhận từ bà L. Như vậy, bà L không có chứng cứ gì chứng minh cho việc bà dùng số tiền này để thay bà Y thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc mua thửa đất số 581, tờ bản đồ số 54, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức. Bản án sơ thẩm xác định bà L có vay bà Y số tiền 200.000.000 đồng và buộc bà L phải trả cho bà Y toàn bộ số tiền đã vay là đúng quy định của pháp luật. Ghi nhận việc bà Y không yêu cầu bà L phải trả lãi.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[3] Bà L phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 473, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Ngô L.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Y.

Buộc bà Huỳnh Ngô L phải trả cho bà Bùi Thị Y số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 02/11/2015 lập tại Văn phòng công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y không yêu cầu bà L trả lãi theo quy định pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do bà Huỳnh Ngô L nộp. Hoàn trả cho bà Bùi Thị Y số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) do bà Y đã nộp theo Biên lai thu số 0007166 ngày 01/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà L nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002591 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận B;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Dung